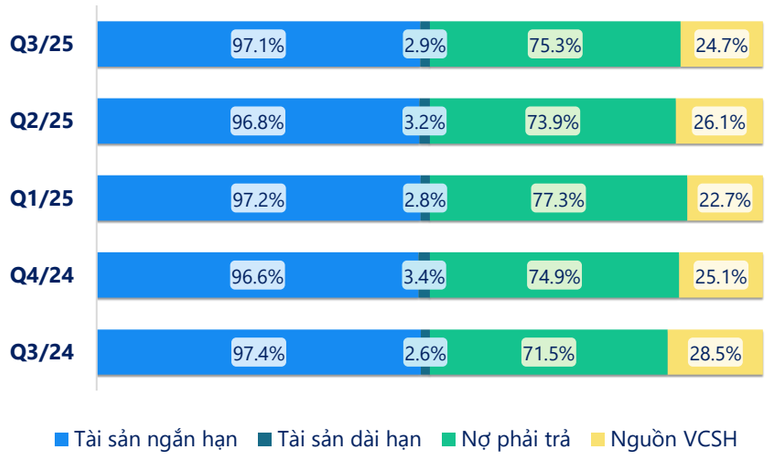
FireAnt

CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,320
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	587
P/E	12.7
EPS	711

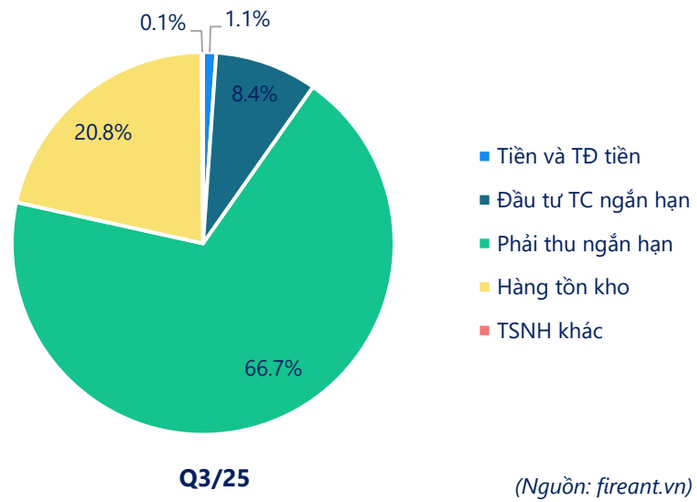
	YTD	1T	3T	6T
AME	91.5%	-1.1%	73.1%	52.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



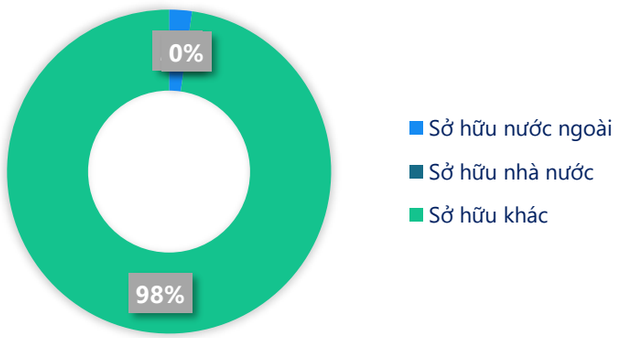
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



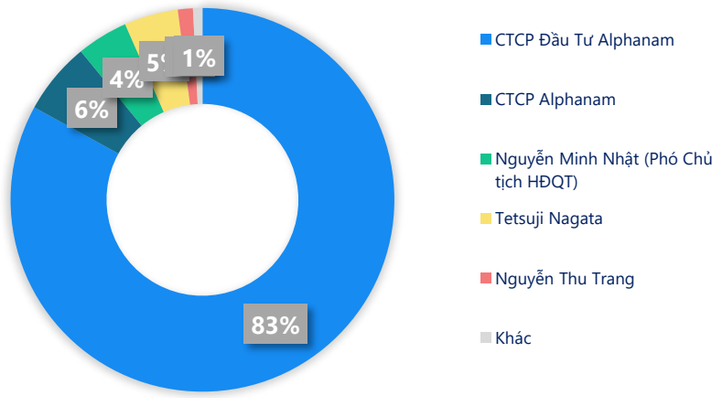
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



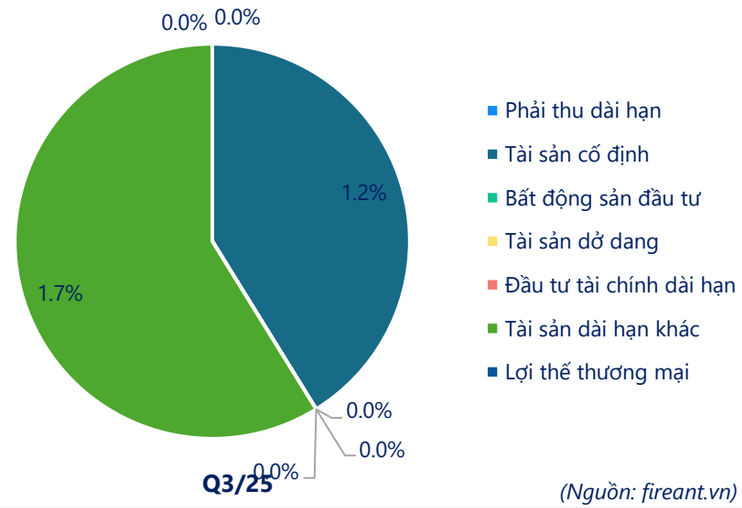
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

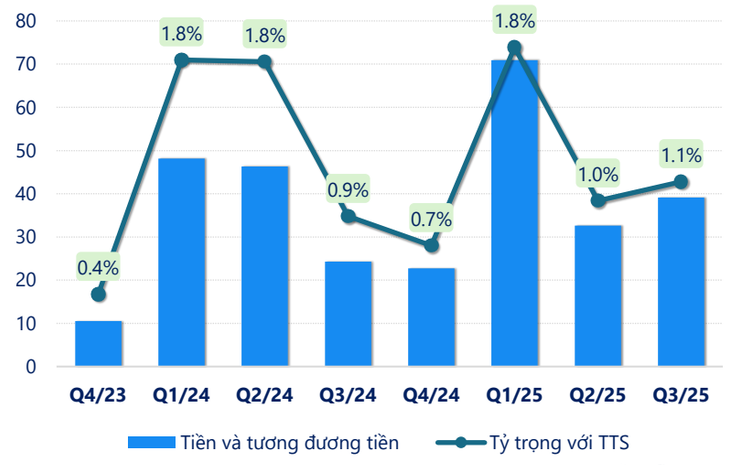


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

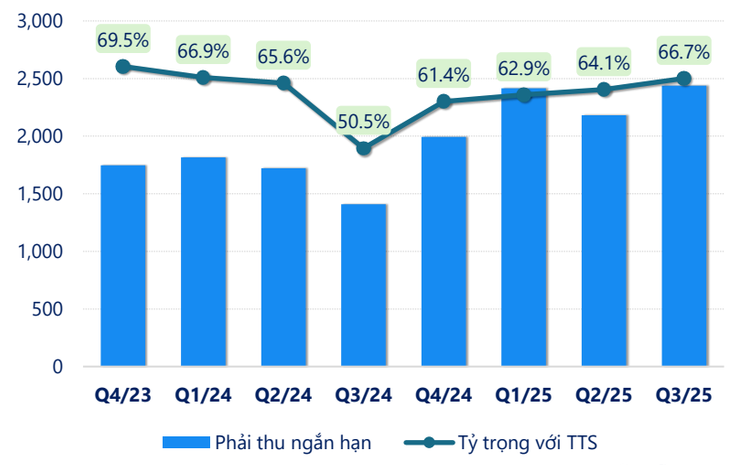
CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)

Tiền và tương đương tiền



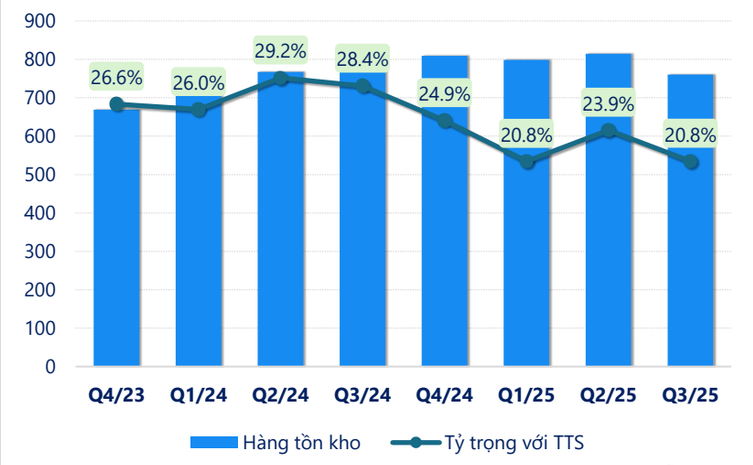
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



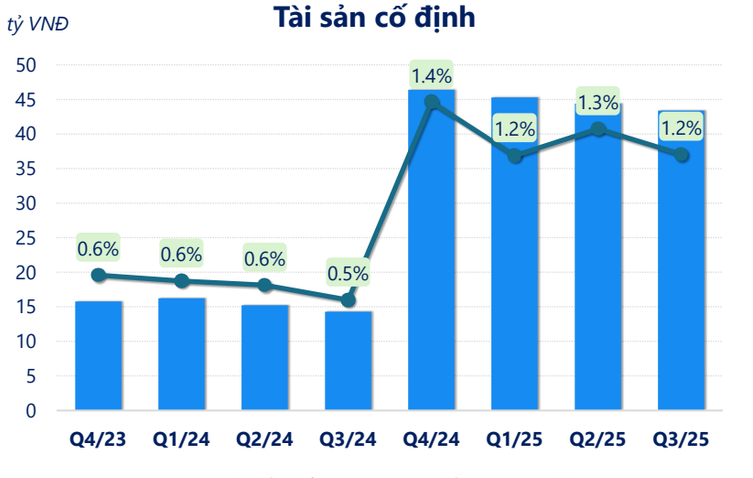
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



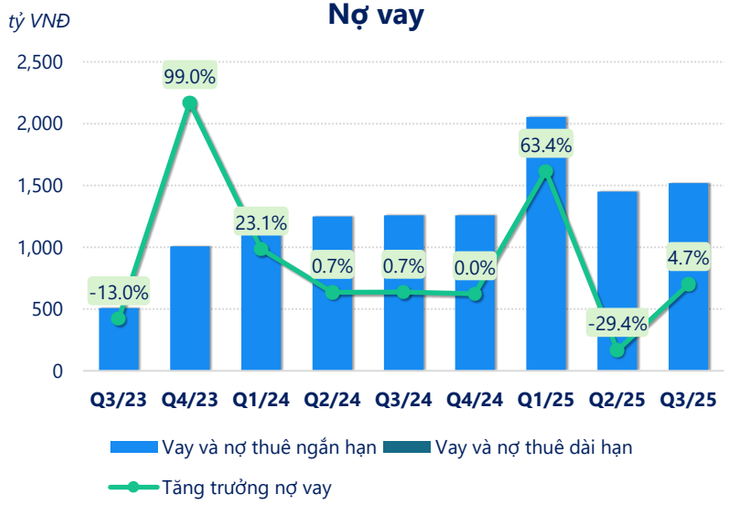
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



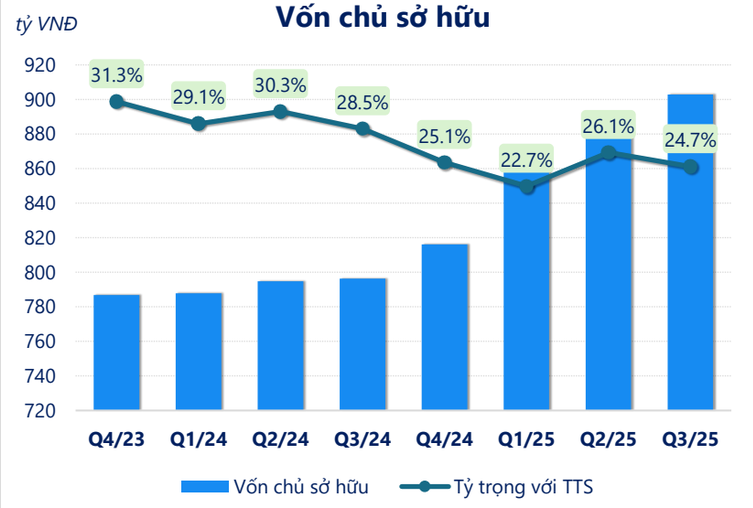
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

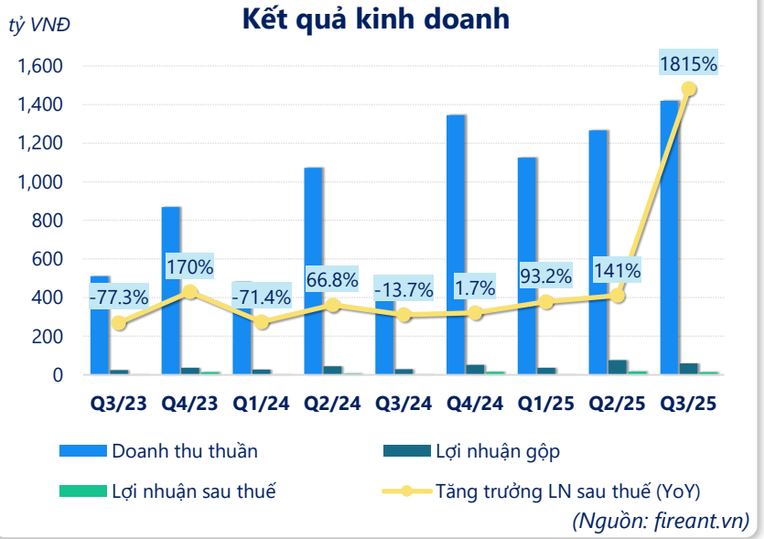


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

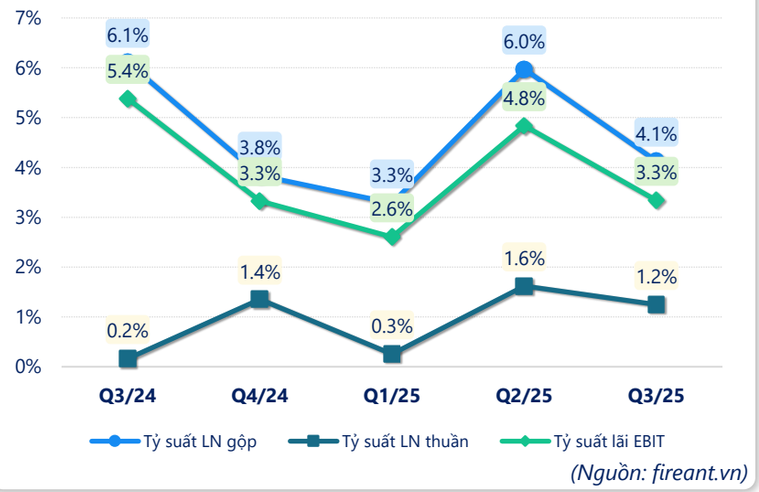
CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)

Kết quả kinh doanh



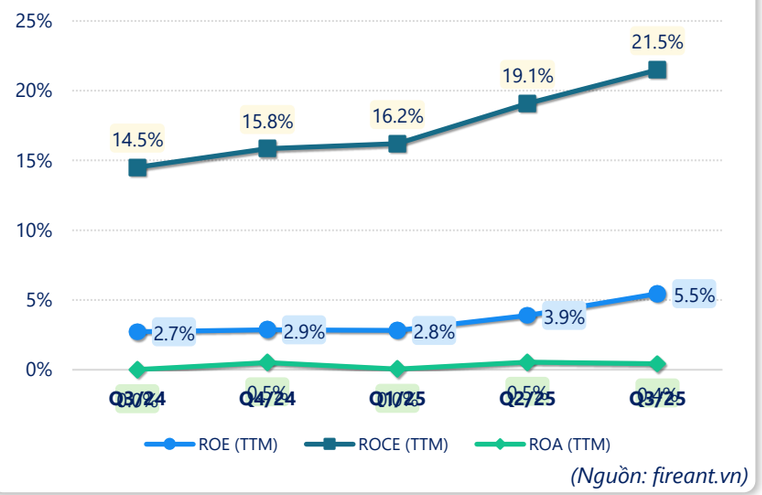
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



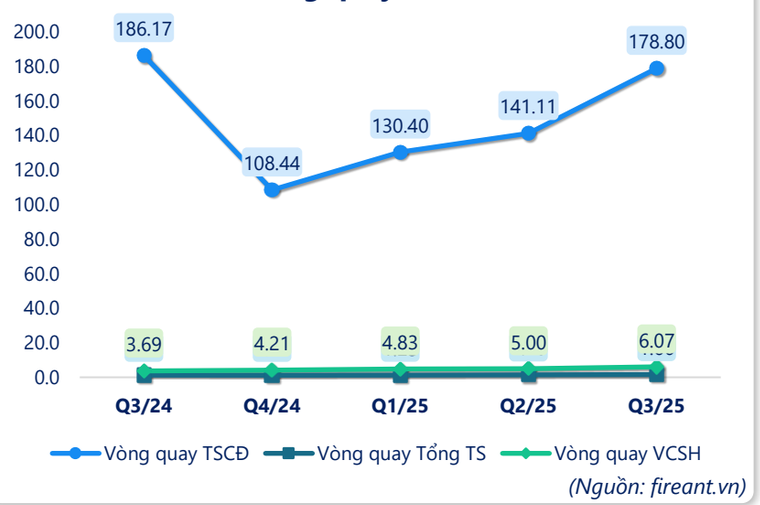
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



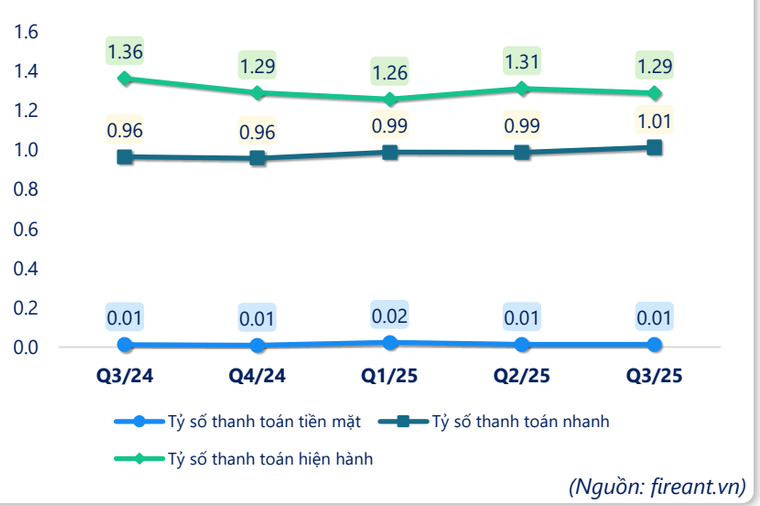
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



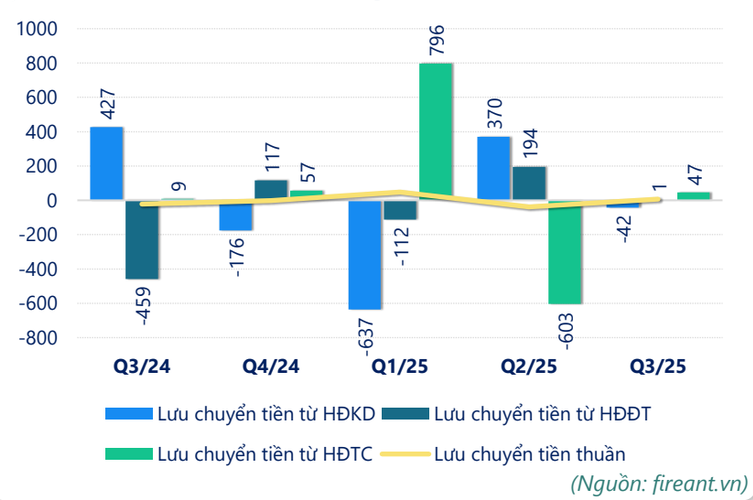
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,655**	**3,175**	**15.1%**
Tài sản ngắn hạn	3,550	3,065	15.8%
Tiền và tương đương tiền	39.1	22.9	70.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307	301	2.1%
Phải thu ngắn hạn	2,439	1,922	26.9%
Hàng tồn kho	760	806	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	4.45	13.5	-67.0%
Tài sản dài hạn	**105**	**110**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	43.4	46.4	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**61.9**	**63.2**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,753	2,304	19.5%
Nợ ngắn hạn	**2,752**	**2,303**	**19.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,520	1,258	20.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	652	845	-22.8%
Nợ dài hạn	0.41	0.41	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**903**	**871**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**903**	**871**	**3.7%**
Vốn điều lệ	652	652	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	471	1,345	1,124	1,266	1,420
Giá vốn hàng bán	442	1,293	1,088	1,191	1,361
Lợi nhuận gộp	28.8	51.6	36.9	75.6	58.5
Doanh thu HĐTC	4.73	3.79	1.53	-0.40	0.05
Chi phí TC	24.8	29.2	27.2	42.1	30.2
Chi phí lãi vay	24.8	26.6	27.2	40.2	29.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.95	8.02	8.37	12.6	10.7
LN thuần từ HĐKD	0.76	18.2	2.89	20.5	17.7
Lợi nhuận khác	-0.19	-0.01	-0.80	0.54	-0.14
LN trước thuế	0.57	18.2	2.09	21.1	17.6
Lợi nhuận sau thuế	0.39	14.7	1.47	16.6	14.0
LNST của CĐ cty mẹ	0.39	14.7	1.38	16.4	13.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	427	-176	-637	370	-41.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-459	117	-112	194	1.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.25	56.7	796	-603	46.8
Tiền đầu kỳ	46.3	24.3	22.9	70.9	32.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-22.1**	**-1.99**	**48.0**	**-38.3**	**6.51**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	24.3	22.3	70.9	32.6	39.1

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic